Người ký: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang
Email: vp_hdnd_vt@bacgiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bắc Giang
Thời gian ký: 11.06.2024 08:07:57 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 25/NQ-HĐND	*Bắc Giang, ngày 06 tháng 6 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025; điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024 và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 (đợt 2)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 6 Về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 6 Về phân bổ vốn ngân sách trung ương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội Về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 Về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 186/TTr-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025; điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024 và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 (đợt 2)

1. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

a) Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung danh mục dự án và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025

- Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững:

+ Điều chỉnh giảm 147 triệu đồng của Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững.

+ Điều chỉnh tăng 147 triệu đồng của Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.

(Chi tiết tại biểu số 01, 02)

- Bổ sung danh mục dự án và phân bổ 5.724 triệu đồng nguồn vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho Dự án Đầu tư mua sắm trang thiết bị thực hành phục vụ công tác cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang thuộc Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững *(Chi tiết tại biểu số 04).*

b) Điều chỉnh vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024 thực hiện nội dung Hỗ trợ bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

- Điều chỉnh giảm 11.000 triệu đồng nội dung Hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo của các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thuộc các huyện Lục Ngạn, Hiệp Hoà, Yên Dũng;

- Điều chỉnh tăng 11.000 triệu đồng nội dung Hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo Trường Cao đẳng Công nghệ Việt Hàn.

(Chi tiết tại biểu số 03)

c) Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2024 (đợt 2)

- Phân bổ chi tiết 21.969 triệu đồng để thực hiện Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn thuộc Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững. Trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương 5.747 triệu đồng *(Chi tiết tại biểu số 04).*

+ Vốn sự nghiệp 16.222 triệu đồng, trong đó: vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương 7.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp nguồn ngân sách tỉnh 9.222 triệu đồng *(Chi tiết tại biểu số 05).*

2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Phân bổ chi tiết 15.759 triệu đồng vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2024 (đợt 2) *(Chi tiết tại biểu số 06).*

3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Bổ sung danh mục dự án và phân bổ 4.474 triệu đồng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 đối với Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc và 04 huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Thế thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 10 *(Chi tiết tại biểu số 8.5).*

b) Điều chỉnh 19.626 triệu đồng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024:

- Điều chỉnh giảm 19.546 triệu đồng Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Điều chỉnh giảm 80 triệu đồng Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

- Điều chỉnh tăng 19.626 triệu đồng Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc.

(Chi tiết tại biểu số 07, 7.1)

c) Phân bổ 76.810 triệu đồng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024:

- Phân bổ 35.810 triệu đồng Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

- Phân bổ 41.000 triệu đồng Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc.

(Chi tiết tại biểu số 07, 7.2, 7.3)

d) Điều chỉnh và phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2024

- Phân bổ 12.620 triệu đồng vốn ngân sách trung ương năm 2024 *(Chi tiết tại biểu số 08, 8.1,8.2)*

- Điều chỉnh và phân bổ 117.177 triệu đồng vốn ngân sách trung ương năm 2024:

+ Điều chỉnh tăng và phân bổ 7.180 triệu đồng vốn sự nghiệp Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

+ Điều chỉnh giảm 80.351 triệu đồng, gồm: Vốn đầu tư phát triển 9.004 triệu đồng, của Tiểu dự án 2, vốn sự nghiệp 71.347 triệu đồng của Tiểu dự án 1; điều chỉnh tăng và phân bổ 26.680 triệu đồng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2 thuộc Dự

án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

+ Điều chỉnh tăng và phân bổ 64.138 triệu đồng, gồm vốn đầu tư phát triển 7.004 triệu đồng; vốn sự nghiệp 57.134 triệu đồng thuộc Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc.

+ Điều chỉnh giảm 36.746 triệu đồng vốn sự nghiệp, gồm 1.546 triệu đồng của Tiểu dự án 2 và 35.200 triệu đồng của Tiểu dự án 3; điều chỉnh tăng và phân bổ 11.000 triệu đồng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

+ Điều chỉnh tăng và phân bổ 5.399 triệu đồng vốn sự nghiệp Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

+ Điều chỉnh giảm 80 triệu đồng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 3; điều chỉnh tăng và phân bổ 2.780 triệu đồng, gồm: 2.000 triệu đồng vốn đầu tư phát triển, 780 triệu đồng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

(Chi tiết tại biểu số 08, 8.3,8.4, 8.5)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 17 thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính; Bộ NN&PTNT; Bộ LĐ, TB&XH; Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng

PHỤ LỤC I

Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025; điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024 và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 (đợt 2)

Biểu số: 01

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 4, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025, TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 đã giao tại Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022	Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững		**89.144**	**147**	**147**	**89.144**
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	Ban QLDA ĐTXDCT DD và CN tỉnh; Trường cao đẳng Ngô Gia Tự	74.136		147	74.283
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Giang	15.008	147		14.861

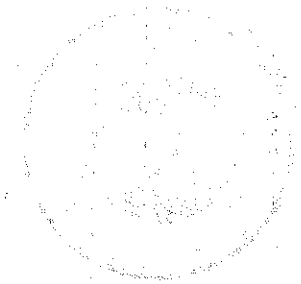

Biểu số: 02

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 dự án: Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang; Hạng mục: Cải tạo nâng cấp nhà ký túc xá E, cải tạo sửa chữa nhà Giảng đường thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, tỉnh Bắc Giang

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn nguồn ngân sách trung ương 2021-2025 được giao tại Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 27/12/2022		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 nguồn ngân sách trung ương	Kế hoạch trung hạn nguồn ngân sách trung ương 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó	Điều chỉnh tăng (+)	Tổng số	Trong đó	
							Tổng số	Trong đó: Ngân sách trung ương		Trong đó: Ngân sách trung ương			Trong đó: Ngân sách trung ương	
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững						**4.873**	**4.873**	**4.400**	**4.400**	**23**	**4.423**	**4.423**	
1	**Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**						**4.873**	**4.873**	**4.400**	**4.400**	**23**	**4.423**	**4.423**	
1.1	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang; Hạng mục: Cải tạo nâng cấp nhà ký túc xá E, cải tạo sửa chữa nhà Giảng đường	Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang	xã Quế Nham, huyện Tân Yên	Cải tạo, sửa chữa Nhà ký túc xá E; Cải tạo, sửa chữa Nhà Giảng đường	2022-2023	319/QĐ-SXD, 09/11/2022	4.873	4.873	4.400	4.400	23	4.423	4.423	

Biểu số: 03

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023 KÉO DÀI SANG NĂM 2024, TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư/Đơn vị giao kế hoạch chi tiết	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2023 được giao tại Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 31/3/2023		Điều chỉnh kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2023 kéo dài sang năm 2024		Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2023 kéo dài sang năm 2024 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách trung ương (Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề)		Tổng số	Ngân sách trung ương	
				Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững		**11.000**	**11.000**	**11.000**	**11.000**	**11.000**	**11.000**	
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		**11.000**	**11.000**	**11.000**	**11.000**	**11.000**	**11.000**	
1	Hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo các cơ sở GDNN		11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	
1.1	Hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lục Ngạn	Sở Giáo dục và Đào tạo giao kế hoạch chi tiết	3.000	3.000	3.000		0	0	
1.2	Hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hiệp Hoà		5.000	5.000	5.000		0	0	
1.3	Hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo Trung tâm GDNN-GDTX huyện Yên Dũng		3.000	3.000	3.000		0	0	
1.4	Hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo Trường Cao đẳng Công nghệ Việt Hàn	Trường Cao đẳng Công nghệ Việt Hàn	0	0		11.000	11.000	11.000	

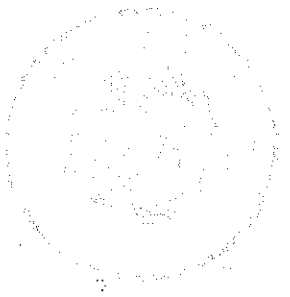

Biểu số: 04

PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2024 (Đợt 2)

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
							Tổng số	Trong đó			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững						**11.152**	**11.152**	**0**	**10.147**	**10.147**	**0**	**4.400**	**4.400**	**0**	**5.747**	**5.747**	**0**	
1	**Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**						**11.152**	**11.152**	**0**	**10.147**	**10.147**	**0**	**4.400**	**4.400**	**0**	**5.747**	**5.747**	**0**	
-	Dự án: Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang; Hạng mục: Cải tạo nâng cấp nhà ký túc xá E, cải tạo sửa chữa nhà Giảng đường.	Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang	xã Quế Nham, huyện Tân Yên	Cải tạo, sửa chữa Nhà ký túc xá E; Cải tạo, sửa chữa Nhà Giảng đường	2022-2023	319/QĐ-SXD, 09/11/2022	4.873	4.873	0	4.423	4.423	0	4.400	4.400	0	23	23	0	
-	Dự án: Đầu tư mua sắm trang thiết bị thực hành phục vụ công tác cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang.	Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang	xã Quế Nham, huyện Tân Yên	Mua sắm trang thiết bị thực hành đào tạo chuyên ngành về Y – Dược.	2024-2025	266/QĐ-SKHĐT, 16/11/2023	6.279	6.279		5.724	5.724		0	0		5.724	5.724		Bổ sung danh mục, phân bổ vốn ĐTPT giai đoạn 2021-2025, kế hoạch vốn ĐTPT năm 2024

Biểu số: 05

PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024 (Đợt 2)

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án, tiểu dự án/Địa bàn, lĩnh vực thực hiện	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024							Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương					Ngân sách tỉnh	
				Tổng số	Trong đó					
					Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp kinh tế		
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững		**16.222**	**7.000**	**7.000**	**0**	**0**	**0**	**9.222**	
1	**Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**		**16.222**	**7.000**	**7.000**	**0**	**0**	**0**	**9.222**	
1.1	Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đào tạo cơ sở GDNN		16.222	7.000	7.000	0	0	0	9.222	
-	Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đào tạo Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự	Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự	16.222	7.000	7.000				9.222	

PHỤ LỤC II

Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 (đợt 2)

Biểu số: 06

TỔNG HỢP PHÂN BỔ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì, quản lý	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2024
	TỔNG CỘNG		**15.759**
I	**NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 1:** **Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá**		**7.757**
1	Chi công tác quy hoạch		7.757
	- UBND huyện Lục Nam	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	4.300
	- UBND huyện Tân Yên		3.457
II	**NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03:** **Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững**		**150**
1	Phân bổ cho UBND huyện Tân Yên triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	150

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì, quản lý	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2024
III	**NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07:** **Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam**		**2.573**
1	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu		1.440
	- UBND huyện Yên Thế	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	180
	- UBND huyện Lục Nam		60
	- UBND huyện Hiệp Hòa		300
	- UBND huyện Tân Yên		900
2	Chi thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới		1.133
	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	934
	- Sở Y tế	Sở Y tế	199
IV	**NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 08:** **Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới**		**500**
	- UBND huyện Tân Yên thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh	UBND huyện Tân Yên	500

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì, quản lý	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2024
V	**NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn**		**1.851**
1	- Công an tỉnh thực hiện tăng cường đảm bảo an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Công an tỉnh	1.851
VI	**NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM**		**2.928**
1	Chi đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng		1.274
	- Cục Thống kê	Cục Thống kê	143
	- UBND huyện Yên Thế	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	113
	- UBND huyện Yên Dũng		100
	- UBND huyện Lục Nam		43
	- UBND huyện Tân Yên		752
	- UBND huyện Hiệp Hòa		123
2	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào "Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới"		1.654
	- UBND huyện Yên Thế	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	111
	- UBND huyện Yên Dũng		100
	- UBND huyện Sơn Động		100
	- UBND huyện Lục Nam		76
	- UBND huyện Tân Yên		1.137
	- UBND huyện Hiệp Hòa		130

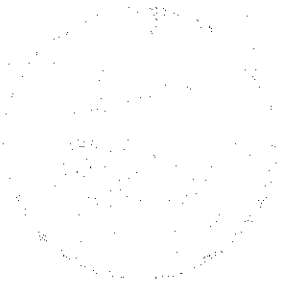

PHỤ LỤC III

Điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024 và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 (đợt 2)

Biểu số: 07

ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN (CÒN LẠI) NĂM 2023 KÉO DÀI SANG NĂM 2024 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2023 đã giao tại Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2023 kéo dài sang năm 2024	Phân bổ Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2023 kéo dài sang năm 2024	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2023 sau điều chỉnh, phân bổ	Ghi chú
	Tổng số		**37.534**	**19.626**	**76.810**	**133.970**	
I	**Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**		**27.287**	**0**	**35.810**	**63.097**	
1	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.		27.287	0	35.810	63.097	
	Nội dung số 01 và nội dung số 03: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư		27.287	0	35.810	63.097	Chi tiết tại biểu 7.2 ; 7.3
	- Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	12.671		16.465	29.136	
	- Huyện Lục Ngạn		7.639		10.195	17.834	
	- Huyện Lục Nam		3.957		5.034	8.991	
	- Huyện Yên Thế		2.837		3.804	6.641	
	- Huyện Lạng Giang		183		312	495	

STT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2023 đã giao tại Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2023 kéo dài sang năm 2024	Phân bổ Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2023 kéo dài sang năm 2024	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2023 sau điều chỉnh, phân bổ	Ghi chú
II	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**		**10.247**	**19.626**	**41.000**	**70.873**	
1.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		10.247	19.626	41.000	70.873	Chi tiết tại biểu 7.1; 7.2
*	Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư		10.247	19.626	41.000	70.873	
	- Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	4.491	8.705	18.186	31.382	
	- Huyện Lục Ngạn		3.023	6.113	12.769	21.905	
	- Huyện Lục Nam		1.702	2.670	5.578	9.950	
	- Huyện Yên Thế		949	1.968	4.112	7.029	
	- Huyện Lạng Giang		82	170	355	607	

Biểu số: 7.1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 KÉO DÀI SANG NĂM 2024 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2023 đã giao tại Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 31/3/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024						Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Giảm		Tổng số	Tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế		Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế		Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế		Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế	
	Tổng số		**29.873**	**19.546**	**10.327**	**19.626**	**19.546**	**80**	**19.626**	**0**	**19.626**	**29.873**	**0**	**29.873**	
1	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**		**10.247**	**0**	**10.247**	**0**	**0**	**0**	**19.626**	**0**	**19.626**	**29.873**	**0**	**29.873**	
1.1	*Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*		*10.247*	*0*	*10.247*	*0*	*0*	*0*	*19.626*	*0*	*19.626*	*29.873*	*0*	*29.873*	
*	Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư		10.247	0	10.247	0	0	0	19.626	0	19.626	29.873	0	29.873	
	- Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	4.491		4.491	0			8.705		8.705	13.196	0	13.196	
	- Huyện Lục Ngạn		3.023		3.023	0			6.113		6.113	9.136	0	9.136	
	- Huyện Lục Nam		1.702		1.702	0			2.670		2.670	4.372	0	4.372	
	- Huyện Yên Thế		949		949	0			1.968		1.968	2.917	0	2.917	
	- Huyện Lạng Giang		82		82	0			170		170	252	0	252	
2	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**		**19.546**	**19.546**	**0**	**19.546**	**19.546**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
2.1	*Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi*		*13.000*	*13.000*	*0*	*13.000*	*13.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	
-	Hỗ trợ các Trung tâm GDNN-GDTX mua sắm trang thiết bị	Sở Giáo dục và Đào tạo giao chi tiết	13.000	13.000	0	13.000	13.000	0	0	0	0	0	0	0	
+	Mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo Trung tâm GDNN - GDTX huyện Lục Ngạn		8.000	8.000		8.000	8.000		0			0	0	0	
+	Mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Động		5.000	5.000		5.000	5.000		0			0	0	0	
2.2	*Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*		*6.546*	*6.546*	*0*	*6.546*	*6.546*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	

STT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2023 đã giao tại Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 31/3/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024						Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Giảm		Tổng số	Tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế		Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế		Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế		Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế	
-	Hỗ trợ đóng tiền học phí, chi phí sinh hoạt học tập…	Ban Dân tộc	6.546	6.546		6.546	6.546		0			0	0	0	
3	**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**		**80**	**0**	**80**	**80**	**0**	**80**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
3.1	*Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình*		*80*	*0*	*80*	*80*	*0*	*80*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	80		80	80		80	0			0	0	0	

Biểu số: 7.2

PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN (CÒN LẠI) NĂM 2023 KÉO DÀI SANG NĂM 2024 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục/ Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương các hoạt động kinh tế (còn lại) năm 2023 kéo dài sang năm 2024	Ghi chú
	Tổng số		**76.810**	
I	**Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**		**35.810**	
1	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.		35.810	
	Nội dung số 01 và nội dung số 03: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư		35.810	
	- Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	16.465	Chi tiết tại biểu 7.3
	- Huyện Lục Ngạn		10.195	
	- Huyện Lục Nam		5.034	
	- Huyện Yên Thế		3.804	
	- Huyện Lạng Giang		312	
II	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**		**41.000**	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		41.000	
1.1	Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư		41.000	
	- Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	18.186	
	- Huyện Lục Ngạn		12.769	
	- Huyện Lục Nam		5.578	
	- Huyện Yên Thế		4.112	
	- Huyện Lạng Giang		355	

Biểu số: 7.3

PHÂN BỔ VỐN (CÒN LẠI) NĂM 2023 KÉO DÀI SANG NĂM 2024 GIAO CHO UBND CÁC HUYỆN, XÃ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2023 đã giao tại Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	Phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) (còn lại) năm 2023 kéo dài sang năm 2024	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2023 kéo dài sang năm 2024 (sau phân bổ bổ sung)	Ghi chú
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	**27.287**	**35.810**	**63.097**	
I	**HUYỆN LẠNG GIANG**	**183**	**312**	**495**	
1	Xã Hương Sơn	183	312	495	
II	**HUYỆN SƠN ĐỘNG**	**12.671**	**16.465**	**29.136**	
1	Thị trấn An Châu	393	465	858	
2	Xã Long Sơn	275	324	599	
3	Xã Tuấn Đạo	393	465	858	
4	TT.Tây Yên Tử	571	661	1.232	
5	Xã Dương Hưu	544	484	1.028	
6	Xã Hữu Sản	598	690	1.288	
7	Xã An Lạc	603	692	1.295	
8	Xã Vân Sơn	587	680	1.267	
9	Xã Lệ Viễn	579	670	1.249	
10	Xã Vĩnh An	567	648	1.215	
11	Xã An Bá	579	669	1.248	
12	Xã Yên Định	562	488	1.050	
13	Xã Cẩm Đàn	606	688	1.294	
14	Xã Thanh Luận	589	681	1.270	
15	Xã Đại Sơn	569	647	1.216	
16	Xã Phúc Sơn	607	698	1.305	
17	Xã Giáo Liêm	600	677	1.277	
18	UBND huyện Sơn Động	3.449	6.138	9.587	
III	**HUYỆN LỤC NGẠN**	**7.639**	**10.195**	**17.834**	
1	Xã Sa Lý	550	635	1.185	
2	Xã Phong Minh	561	644	1.205	
3	Xã Phong Vân	563	644	1.207	
4	Xã Tân Sơn	531	624	1.155	
5	Xã Cấm Sơn	531	624	1.155	
6	Xã Hộ Đáp	546	636	1.182	
7	Xã Sơn Hải	558	642	1.200	
8	Xã Phú Nhuận	576	642	1.218	
9	Xã Đèo Gia	568	643	1.211	
10	Xã Tân Lập	393	465	858	
11	Xã Kim Sơn	183	216	399	

Stt	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2023 đã giao tại Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	Phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) (còn lại) năm 2023 kéo dài sang năm 2024	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2023 kéo dài sang năm 2024 (sau phân bổ bổ sung)	Ghi chú
12	Xã Thanh Hải	92	108	200	
13	Xã Biên Sơn	92	108	200	
14	Xã Tân Hoa	275	324	599	
15	Xã Kiên Thành	92	108	200	
16	UBND huyện Lục Ngạn	1.528	3.132	4.660	
IV	**HUYỆN LỤC NAM**	**3.957**	**5.034**	**8.991**	
1	Xã Bình Sơn	393	488	881	
2	Xã Lục Sơn	533	485	1.018	
3	Xã Trường Sơn	393	482	875	
4	Xã Vô Tranh	537	488	1.025	
5	Xã Trường Giang	275	324	599	
6	Xã Nghĩa Phương	393	465	858	
11	Xã Tam Dị	366	432	798	
12	Xã Bảo Sơn	275	324	599	
13	UBND huyện Lục Nam	792	1.546	2.338	
V	**HUYỆN YÊN THẾ**	**2.837**	**3.804**	**6.641**	
1	Xã Đồng Vương	532	624	1.156	
2	Xã Đồng Tiến	393	465	858	
3	Xã Canh Nậu	393	465	858	
4	Xã Tiến Thắng	275	324	599	
5	Xã Đồng Hưu	366	432	798	
6	Xã Tân Hiệp	92	108	200	
7	Xã Đông Sơn	183	216	399	
8	UBND huyện Yên Thế	603	1.170	1.773	

Ghi chú:

- UBND huyện giao kế hoạch chi tiết

Biểu số: 08

ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG NĂM 2024 ĐỢT 2

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024 đã giao tại 1401/QĐ-UBND ngày 19/12/2023						Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024 đợt 2												Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024 sau điều chỉnh, phân bổ đợt 2						Ghi chú
			Vốn ngân sách Trung ương						Giảm						Tăng						Vốn ngân sách Trung ương						
			Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó:					
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp					Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp						Vốn sự nghiệp						Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp				
					Tổng	Trong đó					Tổng	Trong đó:					Tổng	Trong đó:						Tổng	Trong đó:			
						Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế				Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế				Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế				Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	
	Tổng số		**488.684**	**225.623**	**263.061**	**65.782**	**16.462**	**157.339**	**117.177**	**9.004**	**108.173**	**36.746**	**0**	**71.427**	**117.177**	**9.004**	**108.173**	**11.000**	**6.179**	**90.994**	**488.684**	**225.623**	**263.061**	**40.036**	**22.641**	**176.906**	
	Trong đó		**451.858**	**212.275**	**239.583**	**65.782**	**16.462**	**157.339**	**117.177**	**9.004**	**108.173**	**36.746**	**0**	**71.427**	**117.177**	**9.004**	**108.173**	**11.000**	**6.179**	**90.994**	**451.858**	**212.275**	**239.583**	**40.036**	**22.641**	**176.906**	
I	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**		**38.514**	**17.267**	**21.247**	**0**	**0**	**21.247**	**0**		**0**				**7.180**		**7.180**			**7.180**	**45.694**	**17.267**	**28.427**	**0**	**0**	**28.427**	
	Trong đó:																										
1	Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề		12.691		12.691			12.691	0		0				6.580		6.580			6.580	19.271		19.271	0	0	19.271	
	Trong đó:																										
	Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	7.800		7.800			7.800			0				2.000		2.000			2.000	9.800		9.800			9.800	
	Huyện Lục Ngạn		2.891		2.891			2.891			0				2.950		2.950			2.950	5.841		5.841			5.841	
	Huyện Lục Nam		1.300		1.300			1.300			0				1.630		1.630			1.630	2.930		2.930			2.930	
2	Nước sinh hoạt		17.783	9.227	8.556			8.556							600		600			600	18.383	9.227	9.156			9.156	
	Trong đó:																										
*	Nước sinh hoạt phân tán		8.556		8.556			8.556	0		0				600		600			600	9.156		9.156	0	0	9.156	
	Trong đó:																										
	Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	4.320		4.320			4.320			0				600		600			600	4.920		4.920			4.920	
II	**Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**		**129.992**	**9.004**	**120.988**	**0**		**120.988**	**80.351**	**9.004**	**71.347**	**0**	**0**	**71.347**	**26.680**		**26.680**	**0**	**0**	**26.680**	**76.321**		**76.321**	**0**	**0**	**76.321**	
	Trong đó:																										
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		**78.032**		78.032			78.032	**71.347**		71.347			71.347	**0**		**0**				**6.685**		6.685	0	0	6.685	
2	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		**51.960**	9.004	42.956			42.956	**9.004**	9.004	0				**26.680**		26.680			26.680	**69.636**		69.636	0	0	69.636	
	Trong đó:																										

STT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024 đã giao tại 1401/QĐ-UBND ngày 19/12/2023						Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024 đợt 2												Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024 sau điều chỉnh, phân bổ đợt 2						Ghi chú
			Vốn ngân sách Trung ương						Giảm						Tăng						Vốn ngân sách Trung ương						
			Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó:					
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp					Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp						Vốn sự nghiệp						Vốn sự nghiệp			
					Tổng	Trong đó					Tổng	Trong đó:					Tổng	Trong đó:					Tổng	Trong đó:			
						Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế				Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế				Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế				Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	
-	Nội dung số 01 và nội dung số 03: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư		**33.636**		33.636			33.636	0		0				**36.000**		36.000			36.000	**69.636**		69.636	0	0	69.636	Chi tiết tại biểu 8.2, 8.3
	- Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	15.830		15.830			15.830							**16.553**		16.553			16.553	**32.383**		32.383			32.383	
	- Huyện Lục Ngạn		9.502		9.502			9.502							**10.249**		10.249			10.249	**19.751**		19.751			19.751	
	- Huyện Lục Nam		4.618		4.618			4.618							**5.061**		5.061			5.061	**9.679**		9.679			9.679	
	- Huyện Yên Thế		3.473		3.473			3.473							**3.823**		3.823			3.823	**7.296**		7.296			7.296	
	- Huyện Lạng Giang		213		213			213							**314**		314			314	**527**		527			527	
II	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**		**156.576**	**143.593**	**12.983**	0	0	**12.983**	0	0	0	0	0	0	**64.138**	**7.004**	**57.134**	0	0	**57.134**	**220.714**	**150.597**	**70.117**	0	0	**70.117**	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		156.576	143.593	12.983			12.983	0		0				**64.138**	7.004	57.134			57.134	**220.714**	150.597	70.117	0	0	70.117	
	Trong đó:																										
1.1	Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư		**12.433**		12.433			12.433	0		0				**57.134**	0	57.134	0	0	57.134	**69.567**		69.567	0	0	69.567	
	- Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	5.679		5.679			5.679							**25.343**		25.343			25.343	**31.022**		31.022			31.022	
	- Huyện Lục Ngạn		3.809		3.809			3.809							**17.794**		17.794			17.794	**21.603**		21.603			21.603	
	- Huyện Lục Nam		1.642		1.642			1.642							**7.773**		7.773			7.773	**9.415**		9.415			9.415	
	- Huyện Yên Thế		1.200		1.200			1.200							**5.729**		5.729			5.729	**6.929**		6.929			6.929	
	- Huyện Lạng Giang		103		103			103							**495**		495			495	**598**		598			598	
1.2	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã, liên xã	Ban QLDA ĐTXD các huyện Sơn Động, Lục Ngạn	30.837	30.837					0		0				**7.004**	7.004	0				**37.841**	37.841					Chi tiết tại biểu 8.4
IV	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**		**95.335**	**29.553**	**65.782**	**65.782**	**0**	**0**	**36.746**		**36.746**	**36.746**	**0**	**0**	**11.000**		**11.000**	**11.000**	**0**	**0**	**69.589**	**29.553**	**40.036**	**40.036**	**0**	**0**	
	Trong đó:																										
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số		42.096	29.553	12.543	12.543			0		0				**11.000**		11.000	11.000			**53.096**	29.553	23.543	23.543	0	0	
	Trong đó:																										

STT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao kế hoạch/Chủ đầu tư/Đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024 đã giao tại 1401/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 - Vốn ngân sách Trung ương - Tổng số	Trong đó: Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp - Tổng	Trong đó: Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024 đợt 2 - Giảm - Tổng số	Trong đó: Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp - Tổng	Trong đó: Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Tăng - Tổng số	Trong đó: Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp - Tổng	Trong đó: Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024 sau điều chỉnh, phân bổ đợt 2 - Vốn ngân sách Trung ương - Tổng số	Trong đó: Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp - Tổng	Trong đó: Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Ghi chú
-	Đầu tư CSVC chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo phục vụ giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số	Sở Giáo dục và Đào tạo	11.543		11.543	11.543			0		0				11.000		11.000	11.000			22.543		22.543	22.543	0	0	
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		3.546		3.546	3.546			1.546		1.546	1.546			0		0				2.000		2.000	2.000			
	Trong đó:																										
-	Hỗ trợ đóng tiền học chi phí sinh hoạt học tập...	Ban Dân tộc	1.546		1.546	1.546			1.546		1.546	1.546			0		0				0		0				
3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp vàgiải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi		41.310	0	41.310	41.310			35.200		35.200	35.200			0						6.110		6.110	6.110	0	0	
	Trong đó:																										
3.1	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng		3.000		3.000	3.000	0	0	0		0	0	0	0	1.300		1.300	1.300	0	0	4.300		4.300	4.300	0	0	
	Trong đó:																										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng huyện Lục Ngan	UBND huyện Lục Ngan	855		855	855			0		0				1.300		1.300	1.300			2.155		2.155	2.155			
5	**Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**		**18.990**	**10.858**	**8.132**		**8.132**		0		0				5.399		5.399		5.399		24.389	10.858	13.531	0	13.531	0	
	Trong đó:																										
1	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	2.957	1500	1.457		1.457								1.087		1.087		1.087		4.044	1.500	2.544		2.544		
2	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Lục Ngan	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	3.114	2500	614		614								1.980		1.980		1.980		5.094	2.500	2.594		2.594		
3	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Lục Nam	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	3.747	2858	889		889								1.222		1.222		1.222		4.969	2.858	2.111		2.111		
4	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Yên Thế	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	5.162	4000	1.162		1.162								900		900		900		6.062	4.000	2.062		2.062		
5	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Lạng Giang	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	90	0	90		90								210		210		210		300	0	300		300		

STT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024 đã giao tại 1401/QĐ-UBND ngày 19/12/2023						Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024 đợt 2												Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024 sau điều chỉnh, phân bổ đợt 2						Ghi chú
			Vốn ngân sách Trung ương						Giảm						Tăng						Vốn ngân sách Trung ương						
			Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó:					
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp					Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp						Vốn sự nghiệp						Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp				
					Tổng	Trong đó					Tổng	Trong đó:					Tổng	Trong đó:						Tổng	Trong đó:			
						Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế				Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế				Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế					Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	
6	**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**		**12.451**	**2.000**	**10.451**	**0**	**8.330**	**2.121**	**80**	**0**	**80**	**0**	**0**	**80**	**2.780**	**2.000**	**780**	**0**	**780**	**0**	**15.151**	**4.000**	**11.151**	**0**	**9.110**	**2.041**	
	Trong đó:																										
6.1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		3.341	2.000	1.341	0	1.341	0	0		0	0	0	0	2.780	2.000	780	0	780	0	6.121	4.000	2.121	0	2.121	0	Chi tiết tại biểu 8.5
	Trong đó:																										
	Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS&MN	Liên minh HTX tỉnh	0		0				0		0				780		780		780		780		780		780		
6.2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chứcthực hiện Chương trình		2.121		2.121			2.121	80		80			80	0		0				2.041		2.041	0	0	2.041	
	Trong đó:																										
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	Sở Lao động thương binh và xã hội	80		80			80	80		80			80	0		0				0		0				

Biểu số: 8.1

PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG NĂM 2024 ĐỢT 2

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024 đợt 2					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp			
					Tổng	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế	
	Tổng số:		**12.620**	**2.000**	**10.620**	**1.300**	**9.320**	
I	**Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**							
	Trong đó:							
1	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		9.320	0	9.320	0	9.320	
	Trong đó:							
1.1	Nội dung số 01 và nội dung số 03: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư		9.320	0	9.320		9.320	
	- Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	4.285		4.285		4.285	
	- Huyện Lục Ngạn		2.654		2.654		2.654	
	- Huyện Lục Nam		1.310		1.310		1.310	
	- Huyện Yên Thế		990		990		990	
	- Huyện Lạng Giang		81		81		81	
II	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**							
	Trong đó:							
1	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp vàgiải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi		1.300	0	1.300	1.300	0	
	Trong đó:							
1.1	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng		1.300	0	1.300	1.300	0	
	Trong đó:							
-	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng huyện Lục Ngạn	UBND huyện Lục Ngạn	1.300		1.300	1.300		

STT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024 đợt 2					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp			
					Tổng	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế	
III	**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**							
	Trong đó:							
1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		2.000	2.000				**Chi tiết tại biểu 8.4**
	Trong đó:							
	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc và 04 huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Thế	Ban Dân tộc	2.000	2.000				**Chi tiết tại biểu số 8.4**

Biểu số: 8.2

ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG NĂM 2024 ĐỢT 2

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024 đã giao tại 1401/QĐ-UBND ngày 19/12/2023					Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024				Phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2024 đợt 2			Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024 sau điều chỉnh, phân bổ đợt 2				Ghi chú
			Vốn ngân sách Trung ương									Tổng số	Trong đó		Vốn ngân sách Trung ương				
			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó				Vốn sự nghiệp		Tổng số	Trong đó:			
				Vốn sự nghiệp					Vốn sự nghiệp							Vốn sự nghiệp			
				Tổng	Trong đó				Trong đó:							Trong đó:			
					Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế		Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế		Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế		Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	
I	**Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**																		
	Trong đó:																		
1	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		33.636	33.636			33.636	26.680			26.680	9.320	0	9.320	69.636	0	0	69.636	
	Trong đó:																		
-	Nội dung số 01 và nội dung số 03: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư		**33.636**	**33.636**			**33.636**	**26.680**			**26.680**	**9.320**		**9.320**	**69.636**			**69.636**	Chi tiết tại biểu 8.3
	- Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	15.830	15.830			15.830	12.268			12.268	4.285		4.285	**32.383**			32.383	
	- Huyện Lục Ngạn		9.502	9.502			9.502	7.595			7.595	2.654		2.654	**19.751**			19.751	
	- Huyện Lục Nam		4.618	4.618			4.618	3.751			3.751	1.310		1.310	**9.679**			9.679	
	- Huyện Yên Thế		3.473	3.473			3.473	2.833			2.833	990		990	**7.296**			7.296	
	- Huyện Lạng Giang		213	213			213	233			233	81		81	**527**			527	

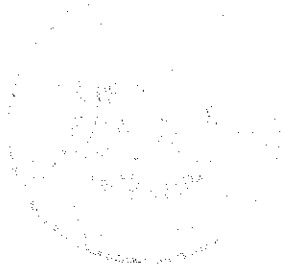

Biểu số: 8.3

PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN CHO UBND CÁC HUYỆN, XÃ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024 ĐỢT 2

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2024 đã giao tại Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2024 đợt 2	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2024 sau phân bổ đợt 2
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị			
	Tổng số	**33.636**	**36.000**	**69.636**
I	**HUYỆN LẠNG GIANG**	**213**	**314**	527
1	Xã Hương Sơn	213	314	527
II	**HUYỆN SƠN ĐỘNG**	**15.830**	**16.553**	**32.383**
1	Thị trấn An Châu	457	468	925
2	Xã Long Sơn	319	327	646
3	Xã Tuấn Đạo	457	468	925
4	TT.Tây Yên Tử	663	666	1.329
5	Xã Dương Hưu	632	487	1.119
6	Xã Hữu Sản	695	695	1.390
7	Xã An Lạc	699	697	1.396
8	Xã Vân Sơn	682	685	1.367
9	Xã Lệ Viễn	673	675	1.348
10	Xã Vĩnh An	659	653	1.312
11	Xã An Bá	672	674	1.346
12	Xã Yên Định	653	491	1.144
13	Xã Cẩm Đàn	699	693	1.392
14	Xã Thanh Luận	685	686	1.371
15	Xã Đại Sơn	661	652	1.313
16	Xã Phúc Sơn	699	704	1.403
17	Xã Giáo Liêm	699	682	1.381
18	UBND huyện Sơn Động	5.126	6.150	11.276
III	**HUYỆN LỤC NGẠN**	**9.502**	**10.249**	**19.751**
1	Xã Sa Lý	641	640	1.281
2	Xã Phong Minh	652	649	1.301
3	Xã Phong Vân	655	649	1.304
4	Xã Tân Sơn	617	628	1.245
5	Xã Cấm Sơn	617	629	1.246
6	Xã Hộ Đáp	635	641	1.276
7	Xã Sơn Hải	648	647	1.295
8	Xã Phú Nhuận	669	647	1.316

Stt	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2024 đã giao tại Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2024 đợt 2	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (các hoạt động kinh tế) năm 2024 sau phân bổ đợt 2
9	Xã Đèo Gia	660	647	1.307
10	Xã Tân Lập	457	468	925
11	Xã Kim Sơn	213	218	431
12	Xã Thanh Hải	106	109	215
13	Xã Biên Sơn	106	109	215
14	Xã Tân Hoa	319	327	646
15	Xã Kiên Thành	106	109	215
16	UBND huyện Lục Ngạn	2.401	3.132	5.533
IV	**HUYỆN LỤC NAM**	**4.618**	**5.061**	**9.679**
1	Xã Bình Sơn	486	492	978
2	Xã Lục Sơn	481	489	970
3	Xã Trường Sơn	478	485	963
4	Xã Vô Tranh	486	491	977
5	Xã Trường Giang	319	327	646
6	Xã Nghĩa Phương	457	468	925
11	Xã Tam Dị	425	436	861
12	Xã Bảo Sơn	319	327	646
13	UBND huyện Lục Nam	1.167	1.546	2.713
V	**HUYỆN YÊN THẾ**	**3.473**	**3.823**	**7.296**
1	Xã Đồng Vương	618	629	1.247
2	Xã Đồng Tiến	457	468	925
3	Xã Canh Nậu	457	468	925
4	Xã Tiến Thắng	319	327	646
5	Xã Đồng Hưu	425	436	861
6	Xã Tân Hiệp	106	109	215
7	Xã Đông Sơn	213	218	431
8	UBND huyện Yên Thế	878	1.168	2.046

Ghi chú:

- UBND huyện giao kế hoạch chi tiết

Biểu số: 8.4

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐTPT CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG NĂM 2024 ĐỢT 2

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế/Nội dung thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2024 đã giao tại Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19/12/2023			Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2024			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 sau điều chỉnh		
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
								Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh
	Tổng số																				
I	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**																				
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi																				
1.1	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã, liên xã																				
1.1.1	Cải tạo, nâng cấp đường xã Sơn Hải đi xã Hộ Đáp (Đoạn 1 từ Km6+761.16 đến Km13+890, đoạn 2 từ Km18+236 đến Km26+981.60), huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	Xã Sơn Hải, Hộ Đáp, huyện Lục Ngạn	Đường cấp IV miền núi, chiều dài tuyến 15,9 km	2022-2025	Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	93.000	24.181	22.260	46.441	24.181	22.260	15.000	6.500	8.500	7.004	7.004		22.004	13.504	8.500

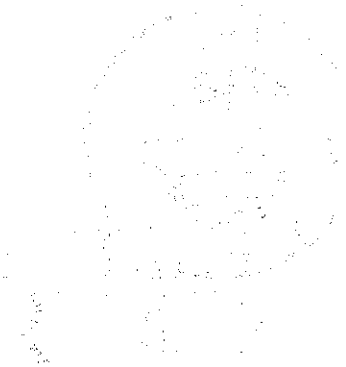

Biểu số: 8.5

KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2024 ĐỢT 2

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng
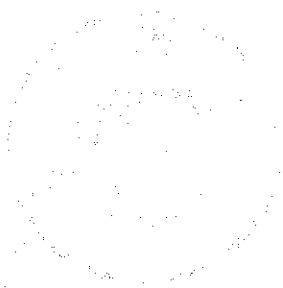
Stt	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế/Nội dung thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024			Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
								Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	
II	**Tiểu dự án 2 - Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN**															
1	Đầu tư xây dựng, nâng cấp phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc và 04 huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Thế	Ban Dân tộc	Ban Dân tộc và các huyện SĐ, LNg, LN, YT	đầu tư, mua sắm trang thiết bị tại phòng họp trực tuyến của Ban Dân tộc và 4 huyện: Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Thế	2024-2025	Quyết định số 106/QĐ-STTTT ngày 02/4/2024	4.474	4.474	0	4.474	4.474	0	4.000	4.000	0	Bổ sung danh mục, phân bổ vốn ĐTPT giai đoạn 2021-2025, kế hoạch vốn ĐTPT năm 2024